

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 08/2022/DSST

Ngày: 29/7/2022

V/v: “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN – TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Viết Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Quốc Tú và bà Nguyễn Thị Thanh.**

Thư ký phiên tòa: **bà Phạm Thị An**, Thư ký TAND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn – tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST- DS ngày 21 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1963; Địa chỉ: Xóm Trung Th, xã Nghĩa H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1979; Địa chỉ: xóm Lê L, xã Nghĩa H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Từ ngày 01/8/2017 đến ngày 16/3/2020 chị Nguyễn Thị Th đã vay của bà Nguyễn Thị Th 09 lần với số tiền cụ thể như sau: Ngày 01/8/2017 vay 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), ngày 03/6/2019 vay: 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng), ngày 11/6/2019 vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), ngày 20/8/2019 vay 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), ngày 21/02/2020 vay 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), ngày 10/3/2020 vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), ngày 13/3/2020 vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), ngày 16/3/2020 vay 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Tổng cộng chị Th đã vay của bà Th số tiền 770.000.000đ (bảy trăm bảy mươi triệu đồng). Trong đó có một lần vay 300.000.000đ vào ngày 18/3/2016 đã trả rồi nên bà Th đã gạch sổ không tính nữa. Bà Th đã nhiều lần yêu cầu chị Th trả nợ nhưng chị Th khất nợ hết lần này đến lần khác không chịu trả. Nay bà Th đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả số tiền vay gốc là 770.000.000đ (bảy trăm bảy mươi triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi. Tại

phiên tòa bà Th thấy chị Nguyễn Thị Th có hoàn cảnh khó khăn nợ nần nhiều nên chỉ yêu cầu chị Th trả số tiền là 570.000.000 đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Th vắng mặt nhưng tại bản khai, biên bản hòa giải trình bày: Từ năm 2015 chị Th có vay tiền của bà Nguyễn Thị Th để làm ăn. Chị Th thừa nhận có vay của bà Th số tiền trong nhiều năm không nhớ cụ thể là bao nhiêu và không nhớ đã trả cho bà Th cụ thể là bao nhiêu tiền. Nay bà Th yêu cầu trả số tiền 770.000.000đ (bảy trăm bảy mươi triệu đồng), chị Th không chấp nhận trả cho bà Th lý do là chị đã trả nhiều lần cho bà Th nhưng bà Th không tính cho chị và hiện nay số tiền chị Th đã trả cho bà Th cụ thể bao nhiêu chị không nhớ nữa mà yêu cầu bà Th phải tính cho đúng thì chị mới trả nợ cho bà Th. Ngoài ra thì chị Th cung cấp 02 tờ giấy do bà Th viết đã trả nợ cho bà Th và 300.000.000 đồng đã trả cho bà Th qua chị Nguyễn Thị Lan .

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: - về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nên đề nghị Tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả số tiền gốc là 570.000.000đ (năm trăm bảy mươi triệu đồng). Về án phí buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận thấy:

1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện và giấy vay tiền mà bà Nguyễn Thị Th cung cấp, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th.

2. Về thủ tục tố tụng: bị đơn Chị Nguyễn Thị Th được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay vắng mặt không rõ lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

3. Về yêu cầu của đương sự:

Bà Nguyễn Thị Th yêu cầu chị Nguyễn Thị Th phải trả cho bà Th số tiền vay gốc 09 lần cụ thể như sau: Ngày 01/8/2017 vay 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), ngày 03/6/2019 vay: 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng), ngày 11/6/2019 vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), ngày 20/8/2019 vay 60.000.000đ (sáu mươi

triệu đồng), ngày 21/02/2020 vay 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), ngày 10/3/2020 vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), ngày 13/3/2020 vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), ngày 16/3/2020 vay 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Tổng cộng chị Th đã vay của bà Th số tiền 770.000.000đ (bảy trăm bảy mươi triệu đồng). Nay bà Th đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả số tiền vay gốc là 770.000.000đ (bảy trăm bảy mươi triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi. Đối với 02 giấy viết tay mà chị Th cung cấp cho Tòa, bà Th thừa nhận rằng 01 giấy là chữ của bà còn một giấy khác không phải chữ của bà Th. Còn về nội dung viết về vấn đề gì và vào thời gian nào thì bà không nhớ rõ và nội dung đó không liên quan gì đến số tiền vay 770.000.000 đồng. Còn số tiền chị Th trả qua chị Lan 300.000.000 đồng bà đã gạch sổ và không tính vào số tiền khởi kiện. Do thấy chị Th hoàn cảnh khó khăn và không có khả năng trả nợ. Tại phiên tòa bà Th chỉ yêu cầu chị Th trả số tiền là 570.000.000 đồng

Chị Nguyễn Thị Th cũng thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị Th nhiều lần nhưng không nhớ rõ số tiền cụ thể bao nhiêu, các giấy vay tiền chị Th đều thừa nhận là do chị viết và đã trả được một số tiền qua 02 giấy viết tay do bà Th viết nhưng không nhớ là bao nhiêu và trả 300.000.000 đồng qua chị Nguyễn Thị Lan.

Qua lời khai, trình bày của các đương sự, thu thập chứng cứ, đối chất tại phiên tòa thì thực tế chị Nguyễn Thị Th có thừa nhận là vay tiền của bà Nguyễn Thị Th nhưng không nhớ rõ số tiền là bao nhiêu, Căn cứ vào các giấy vay nợ do bà Nguyễn Thị Th cung cấp các giấy vay tiền có chữ ký của chị Nguyễn Thị Th thể hiện các khoản vay từ ngày 18/3/2016 đến ngày 16/3/2020 cụ thể như sau: Ngày 18/3/2016 vay số tiền 300.000.000 đồng, ngày 01/8/2017 vay 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), ngày 03/6/2019 vay: 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng), ngày 11/6/2019 vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), ngày 20/8/2019 vay 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), ngày 21/02/2020 vay 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), ngày 10/3/2020 vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), ngày 13/3/2020 vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), ngày 16/3/2020 vay 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Tổng cộng theo giấy vay tiền thì chị Th đã vay của bà Th số tiền 1.070.000.000đ (một tỷ không trăm bảy mươi triệu đồng), trong giấy vay tiền thể hiện chị Th đã trả số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) vay ngày 18/3/2016 là đúng như lời khai của chị Nguyễn Thị Th trước đó là đã trả cho bà Th số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), Số tiền 300.000.000đ bà Th đã gạch sổ không đưa vào yêu cầu. vậy nên số tiền gốc nợ còn lại là 770.000.000đ (bảy trăm bảy mươi triệu đồng) như bà Th trình bày là có ăn cứ cần chấp nhận. Mặc dù chị Th có xuất trình 02 giấy viết tay cho rằng giấy đó do bà Th viết và giấy đó thể hiện chị Th đã trả cho bà Th được một số tiền. Nhưng tại phiên tòa bà Th cho rằng trong 02 giấy đó có một giấy là do bà Th viết nhưng viết vào thời gian nào,

nội dung gì thì bà không nhớ rõ nên bà không chấp nhận với yêu cầu của chị Th đưa ra. Xét thấy đối với 02 giấy chị Th cung cấp không ghi rõ nội dung cụ thể về trả nợ gì trả cho ai và ai là người trả, số tiền và chữ viết trong giấy viết không rõ ràng, Viết tắt và viết bằng ký hiệu không thể hiện được nội dung đã trả nợ cho bà Th do vậy không có đủ tính pháp lý để chấp nhận yêu cầu này của chị Th. Tại phiên tòa bà Th chỉ yêu cầu chị Th trả số tiền 570.000.000 đồng trong số tiền 770.000.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự cần chấp nhận buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền vay là 570.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu đồng).

Về án phí: Trả lại số tiền bà Nguyễn Thị Th đã nộp tạm ứng án phí và buộc chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí DSST theo quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273; ể m b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463; điều 465; điều 466; điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th:

Buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền vay là 570.000.000đ (Năm trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Th phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.800.000đ (Hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền tạm ứng án phí là 17.400.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005634 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn.

3/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Vắng mặt chị Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận

TAND tỉnh Nghệ An;

VKSND tỉnh Nghệ An;

VKSND huyện Nghĩa Đàn;

Chi cục THADS huyện Nghĩa Đàn;

Các đương sự trong vụ án;

Lưu HS, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Hà